

Số: 136/TTr-UBND

Kbang, ngày 10 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang (lần 2)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã khoá I, kỳ họp thứ Năm.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang về phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang.

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang về điều chỉnh, phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang.

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét thông qua Nghị quyết về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã Kbang năm 2025 (lần 2), như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi với tổng số tiền là **3.525,898 triệu đồng**. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm (-): **632 triệu đồng**, gồm:

+ Dự án 1- Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán với kinh phí điều chỉnh giảm 132 triệu đồng;

+ Dự án 3 - Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị với kinh phí điều chỉnh giảm 500 triệu đồng;

- Điều chỉnh tăng (+): **632 triệu đồng**, gồm:

+ Dự án 4: Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với kinh phí điều chỉnh tăng số tiền: 500 triệu đồng;

+ Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số với kinh phí điều chỉnh tăng: 632 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với tổng số tiền là **1.460,0 triệu đồng**. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm (-): 151 triệu đồng, gồm:

+ Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp với kinh phí điều chỉnh giảm 117 triệu đồng;

+ Dự án 7 - Tiểu dự án 1: : Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình với kinh phí điều chỉnh giảm 34 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng (+):

+ Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo với kinh phí điều chỉnh tăng 151 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:


- Kinh phí trước điều chỉnh: **220,036 triệu đồng** (NSTW: 220,036 triệu đồng; Ngân sách xã: 10 triệu đồng)

- Điều chỉnh tăng (+) nội dung thành phần số 06; nội dung thành phần số - 07 với số tiền: 49,964 triệu đồng (NSTW);


- Kinh phí sau điều chỉnh: **270 triệu đồng** (NSTW: 220,036 triệu đồng; Ngân sách xã: 10 triệu đồng)

(Chi tiết phụ lục 03 kèm theo)

(Gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã)

Ủy ban nhân dân xã kính đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết nghị. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Đại biểu HĐND xã khoá I;
- Phòng Kinh tế xã;
- Phòng Văn hóa – Xã hội xã;
- Lưu: VT, KT, Q. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Cường

PHỤ LỤC 02
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ (LẦN 2)

(Kèm theo Tờ trình số 36/TT-UBND ngày 10/11/2025 của UBND xã Khang)

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 và Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025)				Dự toán điều chỉnh giảm (-)				Dự toán điều chỉnh tăng (+)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú	
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã		
	TỔNG SỐ	1.460,0	1.276,0	184,0	184,0	-151,0	-151,0		151,0	151,0			151,0	1.276,0			184,0		
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+) GIẢM (-)																		
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	851,0	773,0	78,0	78,0				151,0	151,0			151,0	924,0			78,0		Điều chỉnh tăng (+) 151 tr.đ theo Nghị quyết 50-NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của HĐND tỉnh
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	210,0	191,0	19,0	19,0	-117,0	-117,0							74,0			19,0		Điều chỉnh giảm (-) 117 tr.đ chuyển Dự án 2 theo Nghị quyết 50-NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của HĐND tỉnh
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	210,0	191,0	19,0	19,0	-117,0	-117,0							74,0			19,0		
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	230,0	156,0	74,0	74,0									156,0			74,0		
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	200,0	151,0	49,0	49,0									151,0			49,0		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	30,0	5,0	25,0	25,0									5,0			25,0		
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	169,0	156,0	13,0	13,0	-34,0	-34,0							122,0			13,0		Điều chỉnh giảm (-) 34 tr.đ chuyển Dự án 2 theo Nghị quyết 50-NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của HĐND tỉnh
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	94,0	87,0	7,0	7,0	-34,0	-34,0							53,0			7,0		
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	75,0	69,0	6,0	6,0									69,0			6,0		

PHỤ LỤC 03
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025 XÃ KBANG (LẦN 2)
 (Kèm theo Tờ trình số 136/TT-UBND ngày 10/11/2025 của UBND xã Kbang)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 và Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025)				Dự toán điều chỉnh tăng (+)				Dự toán sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp xã	
	TỔNG SỐ	220,036	210,036	10,000	10,000	49,964	49,964	0,000	0,000	270,000	260,000	10,000	10,000	
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+) GIẢM (-)	220,036	210,036	10,000	10,000	49,964	49,964			270,000	260,000	10,000	10,000	
1	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	90,000	90,000			30,000	30,000			120,000	120,000			Điều chỉnh tăng theo Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của HĐND tỉnh (Kính phí đã thực chi đến 30/6/2025)
	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức công đồng	90,000	90,000							90,000	90,000			
2	Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường	80,000	70,000	10,000	10,000					80,000	70,000	10,000	10,000	
	Nội dung số 5: Hỗ trợ thực hiện mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn tại các thôn làng	80,000	70,000							80,000	70,000			
3	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới; truyền thông về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới	50,036	50,036			19,964	19,964			70,000	70,000			
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình	35,000	35,000							35,000	35,000			
	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng Nông thôn mới	15,036	15,036			19,964	19,964			35,000	35,000			Điều chỉnh tăng theo Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của HĐND tỉnh (Kính phí đã thực chi đến 30/6/2025)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ KBANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Kbang, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình
mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang (Lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KBANG
KHÓA I KỲ HỌP THỨ NĂM (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang về Quyết định phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang.

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang về Quyết định điều chỉnh, phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang (Lần 2). Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã Kbang (Lần 2), như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi với tổng số tiền là **3.525,898 triệu đồng**. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm (-): **632 triệu đồng**, gồm:

+ Dự án 1- Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán với kinh phí điều chỉnh giảm 132 triệu đồng;

+ Dự án 3 - Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị với kinh phí điều chỉnh giảm 500 triệu đồng;

- Điều chỉnh tăng (+): **632 triệu đồng**, gồm:

+ Dự án 4: Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với kinh phí điều chỉnh tăng số tiền: 500 triệu đồng;

+ Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số với kinh phí điều chỉnh tăng: 632 triệu đồng;

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với tổng số tiền là **1.460,0 triệu đồng**. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm (-): 151 triệu đồng, gồm:

+ Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp với kinh phí điều chỉnh giảm 117 triệu đồng;

+ Dự án 7 - Tiểu dự án 1: : Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình với kinh phí điều chỉnh giảm 34 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng (+):

+ Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo với kinh phí điều chỉnh tăng 151 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- Kinh phí trước điều chỉnh: **220,036 triệu đồng** (NSTW: 220,036 triệu đồng; Ngân sách xã: 10 triệu đồng)

- Điều chỉnh tăng (+) nội dung thành phần số 06; nội dung thành phần số 11 với số tiền: **49,964 triệu đồng** (NSTW), gồm:

+ Nội dung thành phần số 06 - Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng với kinh phí điều chỉnh tăng 30 triệu đồng.

+ Nội dung thành phần số 11 - Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới với kinh phí điều chỉnh tăng 19,964 triệu đồng.

- Kinh phí sau điều chỉnh: **270 triệu đồng**. (NSTW: 220,036 triệu đồng; Ngân sách xã: 10 triệu đồng)

(Chi tiết phụ lục 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Kbang Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu số 7 HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Tổ đại biểu HĐND, Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan đơn vị xã;
- Trưởng các thôn, làng trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Dũng

PHỤ LỤC 01
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO ĐTTTS MIỀN NÚI
NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KBANG (LẦN 2)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / / 2025 của HĐND xã Kbang)
ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 và Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025)				Dự toán điều chỉnh giảm (-)				Dự toán điều chỉnh tăng (+)				Dự toán sau điều chỉnh							
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã				
	TỔNG SỐ	3.525,898	2.875,088	25,937	624,873					-632,000	-632,000			632,000				3.525,898	2.875,088	25,937	624,873
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+) GIẢM (-)																				
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	272,000	272,000			-132,000	-132,000											140,000	140,000		
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	140,000	140,000															140,000	140,000		
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	132,000	132,000			-132,000	-132,000											0	0		
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873	-500,000	-500,000											1.774,898	1.671,088	25,937	77,873
3.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873	-500,000	-500,000											1.774,898	1.671,088	25,937	77,873
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502,000	432,000	0	70,000									500,000	500,000			1.002,000	932,000		70,000
4.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chỉnh sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502,000	432,000	0	70,000									500,000	500,000			1.002,000	932,000		70,000
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	477,000	0	0	477,000									132,000	132,000			609,000	132,000		477,000
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông cơ học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	477,000	0	0	477,000									132,000	132,000			132,000	132,000		477,000

PHỤ LỤC 02
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ (LẦN 2)
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2025 của HĐND xã Kbang)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 và Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025)				Dự toán điều chỉnh giảm (-)				Dự toán điều chỉnh tăng (+)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	TỔNG SỐ	1.460,0	1.276,0		184,0	-151,0			151,0	151,0			1.460,0	1.276,0		184,0	
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+) GIẢM (-)					-151,0			151,0	151,0			0,0				
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	851,0	773,0		78,0				151,0	151,0			1.002,0	924,0		78,0	
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	210,0	191,0		19,0	-117,0							93,0	74,0		19,0	
	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	210,0	191,0		19,0	-117,0							93,0	74,0		19,0	
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	230,0	156,0		74,0								230,0	156,0		74,0	
	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	200,0	151,0		49,0								200,0	151,0		49,0	
	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	30,0	5,0		25,0								30,0	5,0		25,0	
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	169,0	156,0		13,0	-34,0							135,0	122,0		13,0	
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	94,0	87,0		7,0	-34,0							60,0	53,0		7,0	
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	75,0	69,0		6,0								75,0	69,0		6,0	

PHỤ LỤC 03
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025 XÃ KBANG (LẦN 2)
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / / 2025 của HĐND xã Kbang)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 và (Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025)				Dự toán điều chỉnh tăng (+)			Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	Ngân sách trung ương	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	
	TỔNG SỐ	220,036	210,036	10,000	49,964	49,964	0,000	270,000	260,000	10,000		
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+) GIẢM (-)	220,036	210,036	10,000	49,964	49,964		270,000	260,000	10,000		
1	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	90,000	90,000		30,000	30,000		120,000	120,000			
	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	90,000	90,000					90,000	90,000			
2	Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường	80,000	70,000	10,000				80,000	70,000	10,000		
	Nội dung số 5: Hỗ trợ thực hiện mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn tại các thôn làng	80,000	70,000	10,000				80,000	70,000	10,000		
3	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới; truyền thông về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới	50,036	50,036		19,964	19,964		70,000	70,000			
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình	35,000	35,000					35,000	35,000			
	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng Nông thôn mới	15,036	15,036		19,964	19,964		35,000	35,000			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ KBANG**

Số: 29/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kbang, ngày 20 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định điều chỉnh, phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện
các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KBANG
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ TƯ (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 30 tháng 07 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang về Quyết định phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang.

Xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang; Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 xã Kbang; Báo cáo thẩm tra số 20 /BC-KTNS ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh, phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025.

1. Quyết định điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã, như sau:

1.1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025.

- Kinh phí trước điều chỉnh: 2.828,0 triệu đồng.

- Kinh phí sau điều chỉnh: 3.525,898 triệu đồng.

+ Điều chỉnh giảm các Dự án 8, Dự án 9, Dự án 10 với số tiền 503,0 triệu đồng;

+ Điều chỉnh tăng Dự án 3 với số tiền 1.200,898 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

1.2. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.

- Kinh phí trước điều chỉnh: 2.041,0 triệu đồng.

- Kinh phí sau điều chỉnh: 1.460,0 triệu đồng.

+ Điều chỉnh giảm tiểu dự án Dự án 4 với số tiền: 581,0 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

2. Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 trên địa bàn xã cho Ủy ban nhân dân xã thực hiện, (vốn Ngân sách Trung ương) gồm các nội dung thành phần như sau:

- Nội dung thành phần số 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch với kinh phí 580,0 triệu đồng (Ngân sách Trung ương).

- Nội dung thành phần số 6: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn với kinh phí đã giao 60,0 triệu đồng (Ngân sách Trung ương).

- Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh - sạch – đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan

truyền thống của nông thôn Việt Nam với kinh phí 90,0 triệu đồng (Ngân sách Trung ương).

(Có phụ lục chi tiết 03, 04 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Kbang khóa I, Kỳ họp thứ Tư (*chuyên đề*) thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu số 7 HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Tổ đại biểu HĐND, Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan đơn vị xã;
- Trưởng các thôn, làng trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VP. ✓



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Dũng

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KBANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

ĐVT: triệu đồng

CT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	TỔNG SỐ	2.828,000	2.192,000	0	636,000	697,898	683,088	25,937	-11,127	3.525,898	2.875,088	25,937	624,873
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG					1.200,898	1.156,088	25,937	18,873				
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM					-503,000	-473,000	0,000	-30,000				
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	272,000	272,000	0	0	0	0	0	0	272,000	272,000	0,000	0,000
.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	140,000	140,000	0	0	0	0	0	0	140,000	140,000	0,000	0,000
.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	132,000	132,000	0	0	0	0	0	0	132,000	132,000	0,000	0,000
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.074,000	1.015,000	59,000	0	1.200,898	1.156,088	25,937	18,873	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873
.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	1.074,000	1.015,000	59,000	0	1.200,898	1.156,088	25,937	18,873	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502,000	432,000	70,000	0					502,000	432,000	0	70,000
.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502,000	432,000	70,000	0					502,000	432,000	0	70,000
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	477,000	0,000	477,000	0					477,000	0	0	477,000

ST	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
1.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	477,000	0,000		477,000					477,000	0	0	477,000
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	285,000	260,000		25,000	-260,000	0	-25,000		-285,000	0	0	0
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	50,000	50,000		0,000	-50,000	0	0		-50,000	0	0	0
1.1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	50,000	50,000		0,000	-50,000	0	0		-50,000	0	0	0
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	168,000	163,000	0,000	5,000	-163,000	0	-5,000		-168,000	0	0	0
1.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	154,000	150,000		4,000	-150,000		-4,000		-154,000	0	0	0
1.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	14,000	13,000		1,000	-13,000		-1,000		-14,000	0	0	0

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số: 29/NQ-HĐND ngày 29/10/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

KHẾ/VC 02

ĐVT: triệu đồng

T	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025)						Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)						Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh					
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
	TỔNG SỐ	2.041,00	1.857,00	-	184,00	-581,00	-581,00	-	-	1.460,00	1.276,00	-	-	184,00					
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG																		
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM																		
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	851	773	0	78	-581	-581	0	0	851	773	0	0	78					
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	210	191	0	19					210	191	0	0	19					
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	210	191	0	19					210	191	0	0	19					
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	811	737	0	74	-581	-581			230	156	0	0	74					
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	539	490	0	49	-339	-339			200	151	0	0	49					
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	272	247	0	25	-242	-242			30	5			25					
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	169	156	0	13	0	0	0	0	169	156	0	0	13					
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	94	87	0	7					94	87	0	0	7					
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	75	69	0	6					75	69	0	0	6					

**PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN NỘI DUNG CÁC THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG AN ỔN THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

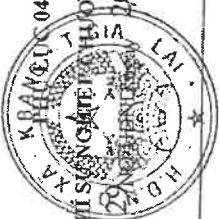
Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên xã	Tổng vốn phân bổ	Trong đó:										Ghi chú				
			Nội dung thành phần số 1 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)	Nội dung thành phần số 2 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)	Nội dung thành phần số 3 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)	Nội dung thành phần số 4 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)	Nội dung thành phần số 5 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)	Nội dung thành phần số 6 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)	Nội dung thành phần số 7 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)	Nội dung thành phần số 8 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)	Nội dung thành phần số 9 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)	Nội dung thành phần số 10 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)		Nội dung thành phần số 11 (Theo Thông tư 55/2023/TT-BTC)			
1	Xã Kbang	730	580								60	90					



NỘI DUNG CHI TIẾT PHẦN BÒ KINH PHÍ KINH PHÍ SỬ DỤNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 29/QĐ-NTU/2025 của Hội đồng nhân dân xã)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung thành phần	Nội dung thực hiện	Kinh phí thực hiện			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG		730	730		
I	Nội dung thành phần số 1		580	580		
1	Nội dung 01: Ra soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	Chi rà soát, lập mới quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	580	580		
II	Nội dung thành phần số 6		60	60		
1	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	60	60		
2	Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch	Chi khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống Chi bảo tồn và phát huy di sản văn hóa				
III	Nội dung thành phần số 7		90	90		
1	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	90	90		